

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 93/2026/HC-PT

Ngày 23/3/2026

Về "*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long, ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 196/2025/TLPT-HC ngày 07/11/2025 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*" đối với bản án hành chính sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 489A/2026/QĐ-PT ngày 06/3/2026, giữa:

Người khởi kiện: ông Hoàng Quốc B, sinh năm 1964; nơi cư trú: số I T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B là Luật sư Hoàng Quảng L - Công ty L4, đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: A D, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (*kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Quảng Trị*); địa chỉ: số H P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thăng L1 - Phó Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Ngọc T, nguyên Chủ tịch UBND phường H, thành phố Đ, vắng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Hoàng Quốc B trình bày:*

Ngày 20/11/1999, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân phường H có chủ trương bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, bao gồm nhà xưởng và nhà văn phòng của Hợp tác xã Đ1, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân phường H đã giao lại tài sản trên cho Chi hội Nông dân Đ để Chi hội Nông dân Đ thực hiện việc chuyển nhượng. Ông Hoàng Quốc B là người mua lại tài sản trên với giá 18.000.000 đồng. Về thủ tục, theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân phường H và Chi hội Nông dân Đ2, ông B đã làm một văn bản với tiêu đề “Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, trong đó có các nội dung cơ bản mà hai bên thống nhất ký vào sau đây: Mục đích của việc bán tài sản là để Chi hội Nông dân Đ có kinh phí tôn tạo và xây dựng Lăng C; bên chuyển nhượng là Ban Đ2; bên nhận chuyển nhượng là ông Hoàng Quốc B; giá chuyển nhượng 18.000.000 đồng (ông B đã giao đủ tiền). Sơ đồ thửa đất gần giống hình chữ nhật (cạnh phía sau bị gấp khúc một phần nhỏ), diện tích 240 m², trong đó có ngôi nhà văn phòng Hợp tác xã Đ1 không còn sử dụng, do Hợp tác xã này đã giải thể trước đó, diện tích nền ngôi nhà khoảng 30m²; ranh giới phía Nam ghi rõ là giáp với Hội trường Hợp tác xã Đ1; cuối văn bản có xác nhận, ký và đóng dấu Ủy ban nhân dân phường H, ghi chú yêu cầu các bên làm thủ tục chuyển quyền theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi làm xong thủ tục và nhận bàn giao tài sản từ các ông Hồ Ngọc V (Chi hội trưởng nông dân Đ3), ông Phạm Thuận L2 (Cán bộ địa chính phường Đ), ông B phá bỏ các bể chứa nước mắm, giải phóng mặt bằng một phần khu đất với diện tích 211m², còn lại 30m² trên đất là Nhà văn phòng HTX, ông B giữ lại sử dụng. Khi liên hệ với Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 240m² thì Văn phòng yêu cầu ông Ba phải phá bỏ nhà văn phòng trên diện tích 30m² hoặc gấp chủ sử dụng thửa đất liền kề có tài sản trên đất là nhà Hội trường HTX xin chữa ký giáp ranh mới đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn nếu chỉ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 211m² thì đủ điều kiện.

Việc lấy chữ ký chủ sử dụng thửa đất liền kề lúc đó không thực hiện được vì không ai nhận là chủ sử dụng diện tích đất trên có công trình Nhà hội trường HTX nên ông B chấp nhận đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 211m² và được cấp giấy chứng nhận. Năm 2024, ông B làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận diện tích đất 30m² còn lại và địa chính phường H và Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ đã căn cứ Văn bản chuyển nhượng tài sản giữa Chi hội Nông dân Đ với ông B có xác nhận, ký và đóng dấu Ủy ban nhân dân phường H năm 2000, tiến hành đo đạc, xác lập hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, nhưng ông Phạm Ngọc T (Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H) căn cứ thông báo bàn giao tài sản giữa UBNDTTQ phường H với Ban Đ1 ngày 22/6/2005 (văn bản không có giá trị pháp lý) nội dung bàn giao Nhà văn phòng HTX để cho rằng không có việc chuyển nhượng Nhà văn phòng diện tích 30m² cho ông B nên không chấp nhận đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B. Ông B làm đơn tố cáo ông T, nhưng ngày 6/5/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ông Hoàng Ngọc Đ ban hành Kết luận số 185/KL-UBND cho rằng nội dung tố cáo của ông B là sai, việc chuyển nhượng tài sản trước đây

giữa Chi hội Nông dân Đ với ông Ba không bao gồm nhà văn phòng diện tích 30m².

Kết luận 185/KL-UBND ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của ông B nên ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: *Hủy Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đ - ông Hoàng Ngọc Đ về nội dung xác định việc chuyển nhượng tài sản trước đây giữa Chi hội Nông dân Đ2 và ông Hoàng Quốc B không bao gồm 30m² đất nói trên.*

* *Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (kế thừa là Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Quảng Trị):* Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, giữ nguyên Kết luận số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 vì các lý do:

Năm 2000, vợ chồng ông Hoàng Quốc B bà Phạm Thị Thu H mua đầu giá đất và tài sản trên đất là nhà xưởng nước mắm thuộc Chi hội nông dân phường H với diện tích 240m², không bao gồm 30m² đất trên có nhà Văn phòng HTX, được UBND phường H chứng thực ngày 23/8/2000; tuy nhiên, năm 2003, ông B, bà H sửa chữa, cải tạo, nối 30m² nhà văn phòng với phần diện tích nhà hội trường, đồng thời xây dựng nhà rường diện tích 110m² trên tầng hai của nhà hội trường, nhà văn phòng để kinh doanh. Năm 2003, ông B, bà H làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi làm hồ sơ ông B, bà H đề nghị cấp toàn bộ diện tích 240m², bao gồm 30m² nhà văn phòng, nhưng không được chấp nhận vì cán bộ thẩm định hồ sơ yêu cầu phải tháo dỡ tài sản. Từ năm 2001 ông B, bà H thuê nhà hội trường HTX Đ1, nhưng trong Hợp đồng cho thuê, ông T2 đã nhầm lẫn giữa nhà hội trường và nhà văn phòng HTX. Ngày 05/12/2023, ông B, bà H có đơn đề nghị đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất và xem xét phần diện tích chênh lệch so với diện tích mua bán đã được UBND phường chứng thực ngày 23/8/2000, trong đó đề nghị đo bổ sung diện tích nhà văn phòng 30m². UBND phường đã thành lập đoàn kiểm tra, đo đạc nhưng đến nay chưa trả lời kết quả đo đạc để gia đình ông được biết để thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 30/01/2024, ông Phạm Ngọc T1 cung cấp một Biên bản bàn giao tài sản ngày 22/6/2005 giữa UBMTTQVN phường H và Ban Đ1, nhưng Biên bản này là bản photo, không phải bản gốc; do đó, ông B tố cáo và cho rằng ông Phạm Ngọc T vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Kết quả xác minh với người bị tố cáo cho thấy:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Hoàng Quốc B: Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông, bà Hoàng Quốc B, Phạm Thị Thu H do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ cung cấp và hồ sơ địa chính phường H: Đất của ông B, bà H theo hồ sơ địa chính phường Hải Thành lập năm 1996 thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 09 là đất của Hợp tác xã Đ1 đã sử dụng để làm văn phòng HTX và làm cơ sở sản xuất, chế biến nước mắm từ giai đoạn năm 1959. Ngày 23/4/1995, Ban giải thể HTX của UBND phường H tiến hành bàn giao lại toàn bộ diện tích đất và các tài sản, nhà xưởng, nhà văn phòng HTX cho chi hội nông dân Đ2 quản lý. Ngày 20/11/1999, Hội N1 đã tổ chức hội nghị và thống nhất đề nghị HĐND, UBND phường xem xét cho phép Chi hội nông dân thanh lý tài sản trên đất và diện tích đất 320m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 09 để lấy kinh phí xây dựng, tôn tạo phục chế lại lăng cửa ở khu vực Đ, được HĐND phường chấp

thuận. Ngày 25/11/1999, Chi hội nông dân Đ2 do ông Hồ Ngọc V (Chi hội trưởng) lập đơn chuyển nhượng quyền sử dụng đất. cho ông, bà Hồ Viết B1, Nguyễn Thị C1 sử dụng khu đất còn lại với giá 18 triệu đồng. Theo ý kiến của ông Hồ Viết B1 thì phần diện tích đất nhận chuyển nhượng chỉ bao gồm phần diện tích đất, các hồ, bể sản xuất nước mắm, không có nhà văn phòng và nhà hội trường. Năm 2000 vợ chồng ông Hồ Viết B1 bà Nguyễn Thị C1 bán lại toàn bộ diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của Chi hội nông dân Đ cho ông Hoàng Quốc B. Để hợp thức hóa hồ sơ ngày 23/8/2000, Chi hội nông dân Đ2 do ông Hồ Ngọc V (Chi hội trưởng) đại diện lập lại đơn chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chuyển cho ông B, có nội dung tương tự như đơn ngày 25/11/1999 chuyển nhượng cho ông B1, bà C1 kèm theo sơ đồ chuyển nhượng được ông Nguyễn H1 (Chủ tịch UBND phường H) xác nhận. Diện tích chuyển nhượng 240m², vị trí thửa đất chuyển nhượng thể hiện trong sơ đồ: phía Bắc giáp nhà mẫu giáo phường; phía Tây giáp trục đường; phía Đông giáp khu lăng cửa làng Đ; phía Nam giáp nhà Hội trường HTX cũ, đồng thời cùng ngày, người giao đất ghi tên Nguyễn Thị C1 có Giấy xin giao lại đất (do không có nhu cầu sử dụng) đối với phần diện tích mua lại của Hội N1, được ông Nguyễn H1 (Chủ tịch UBND phường Đ) xác nhận. Ngày 01/11/2005, ông B, bà H làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 19. Theo nội dung Đơn do ông B tự kê khai tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 211m², có nguồn gốc do nhận chuyển quyền, được UBND phường H xác nhận ngày 13/12/2005. Ngày 30/6/2006, ông B, bà H có đơn xin đo đạc lại phần diện tích đang sử dụng để cấp GCNQSDĐ. Ngày 12/12/2006, cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ) phối hợp với công chức địa chính phường H, ông B và ông Nguyễn Duy T2 (đại diện Ban Đ1) tiến hành xác định lại ranh giới, mốc giới và đo lại thửa đất của ông B theo thực tế sử dụng. Kết quả đo đạc xác định phần diện tích đất ông B đang sử dụng và đề nghị cấp GCNQSDĐ có diện tích 222,3m², trong đó có 211m² đủ điều kiện để được xét cấp GCNQSDĐ; 11,3m² nằm trong quy hoạch đất giao thông; cạnh phía Đông Nam tiếp giáp với thửa đất số 9 (là đất đã giao cho Ban Đ1 quản lý), không tiếp giáp với đất ông B và không có phần diện tích 30m² nhà văn phòng HTX, được ông Nguyễn Duy T2 (đại diện Ban Đ1, quản lý Nhà văn phòng và nhà Hội trường HTX) và ông B xác nhận. Sau khi thực hiện các thủ tục công khai hồ sơ; ông B, bà H thực hiện hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, ngày 09/5/2008, UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ mang tên chủ sử dụng đất là ông, bà Hoàng Quốc B, Phạm Thị Thu H, số phát hành AD 919237, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H06270 tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 19, diện tích 211m², trong đó: đất ở đô thị 150m², đất trồng cây lâu năm 61,0m² đúng theo diện tích, kích thước, hình thể thửa đất đã được đo đạc, xác định lại ngày 12/12/2006. Ngày 08/8/2018, ông B có Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 19, theo đó, xin chuyển mục đích 49,7m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị. Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định, ngày 19/9/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4349/QĐ-UBND cho phép ông B, bà H chuyển mục đích sử dụng đất tại phường H, thành phố Đ.

Ngày 31/10/2028, ông B, bà H có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất. Ngày 19/10/2018, Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Đ, UBND phường H cùng với ông B đã tiến hành kiểm tra, xác minh thực địa và đo đạc hiện trạng sử dụng đất của ông B, bà H đang sử dụng. Kết quả đo đạc xác định thửa đất ông B, bà H đang sử dụng có diện tích 241,8m², Biên bản đo đạc, xác minh thực địa được chủ sử dụng đất là ông B đồng ý, ký công nhận. Ngày 21/11/2018, Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Đ chỉnh lý lại thửa đất ông B, bà H đang sử dụng thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 15 phường H. Ngày 04/12/2018, Sở T5 cấp GCNQSDĐ số phát hành CN 576990, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02722 mang tên ông, bà Hoàng Quốc B, Phạm Thị Thu H tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 15, diện tích 241,8m², trong đó đất ở tại đô thị 199,7m², đất trồng cây lâu năm 42,1m². Năm 2020, ông B, bà H có đơn xin cấp đổi GCNQSDĐ để bổ sung chứng nhận quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số đất số 3 7, tờ bản đồ số 15. Quá trình giải quyết hồ sơ, ngày 21/5/2020, Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Đ, UBND phường H cùng với ông Hoàng Quốc B đã tiến hành kiểm tra, xác minh thực địa và đo đạc hiện trạng sử đất. Kết quả đo đạc xác định ranh giới thửa đất ông Bà bà H đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, được ông B ký công nhận vào Biên bản kiểm tra thực địa. Ngày 06/7/2020, Sở T5 cấp lại GCNQSDĐ cho ông B, bà H, số phát hành CV 299727, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03088 mang tên ông, bà Hoàng Quốc B, Phạm Thị Thu H tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 15, diện tích 241,8m². Ngày 13/5/2022, ông B, bà H nộp đơn xin đăng ký biến động và cấp đổi GCNQSDĐ để thay đổi thông tin của chủ sử dụng đất tại thửa đất số 3 7, từ bản đồ số 15. Quá trình giải quyết hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Đ, UBND phường H cùng với ông Hoàng Quốc B đã tiến hành kiểm tra, xác minh thực địa và đo đạc hiện trạng sử dụng đất. Kết quả đo đạc xác định ranh giới thửa đất ông B, bà H đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, được ông B ký công nhận vào Biên bản kiểm tra thực địa. Ngày 07/7/2022, Sở T5 cấp lại GCNQSDĐ cho ông B, bà H, số phát hành DG 024924, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03728, diện tích 241,8m².

Về việc tố cáo và yêu cầu giải quyết của ông B: Ngày 05/12/2023, UBND phường H nhận được đơn kiến nghị của ông Hoàng Quốc B với nội dung liên quan đến việc thiếu 30,0m² đất và xác lập ranh giới khuôn viên đất đối với 240m² theo hợp đồng mua bán giữa Chi hội nông dân phường H và gia đình ông. Ngày 28/11/2024, UBND phường đã có Công văn số 771/UBND trả lời kiến nghị của ông Hoàng Quốc B, không đồng ý với việc giải quyết, trả lời của UBND phường H nên ông B làm đơn tố cáo trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của ông Phạm Ngọc T (Chủ tịch UBND phường).

Kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ cho thấy: Kết quả kiểm tra bản đồ địa chính phường H năm 1996, thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông B, bà H thuộc một phần diện tích thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, sử dụng vào mục đích đất xây dựng, được quy chủ sử dụng cho Hợp tác xã Đ1, diện tích toàn bộ thửa đất là đất

là 937,8m². Hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện nhà hội trường HTX có diện tích 98,7m², có vị trí nằm tiếp giáp với phạm vi ranh giới thửa đất sau này cấp GCNQSDĐ cho ông B, bà H. Theo bản đồ địa chính phường H được phê duyệt năm 2014, phần diện tích nhà văn phòng ông B, bà H đề nghị đo đạc thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 15 là đất do UBND phường H quản lý.

Kết quả kiểm tra việc giải quyết đơn kiến nghị và hồ sơ đo đạc, đăng ký biến động quyền sử dụng đất của ông B, bà H: Ngày 05/12/2023, ông Hoàng Quốc B có đơn kiến nghị gửi đến UBND phường H về việc đề nghị xem xét xác lập ranh giới khuôn viên thửa đất 240m² theo Hợp đồng mua bán đất giữa Chi hội nông dân phường H và gia đình ông B. Theo nội dung đơn, ông B cho rằng ngày 23/8/2000 gia đình ông đã chuyển đủ số tiền 18.000.000 đồng để mua đấu giá 240m² đất và tài sản trên đất, bao gồm nhà xưởng và nhà quản lý của HTX Đ1, được UBND phường H xác nhận. Trong quá trình đo đạc, làm thủ tục cấp GCNQSDĐ giai đoạn năm 2006, cơ quan chức năng yêu cầu phải có chữ ký của hộ liên kề để xác định phần đất còn hơn 30m² hiện còn nằm trong khuôn viên ngôi nhà trước mặt (Nhà văn phòng HTX); ông B đã yêu cầu ông Nguyễn Duy T2 (Trưởng Ban Đ1) ký xác nhận nhưng ông T2 không đồng ý; Hơn 20 năm qua kể từ ngày ký hợp đồng mua bán đất, gia đình ông Ba C2 được sử dụng 211m² đất, phần diện tích còn lại 30m² gia đình ông B chưa nhận được vì không biết ai là pháp nhân sở hữu tài sản nhà HTX cũ, nay vẫn tồn tại. Để giải quyết nội dung đơn kiến nghị của ông Hoàng Quốc B, ngày 12/01/2024, UBND phường H đã tổ chức hội nghị làm rõ quá trình thanh lý, mua bán tài sản và việc quản lý sử dụng của Ban Đ1. Tại hội nghị có 22 người tham gia gồm cán bộ lãnh đạo HĐND, UBND phường; chi hội nông dân, Ban Đ1 qua các thời kỳ và tổ trưởng các tổ dân phố 5,6,7 phường H. Kết quả làm việc các thành phần tham dự khẳng định ranh giới thửa đất bán cho ông B, bà H là tính từ mép sau tường nhà văn phòng HTX đến giáp tường rào nhà mẫu giáo cũ (nay là Nhà văn hóa tổ dân phố G). Ngoài ra, ông Hoàng Văn T3 nguyên Phó Chủ tịch UBND phường H, Trưởng Ban giải thể HTX Đ1 khẳng định phần diện tích nhà văn phòng và hội trường HTX là một khối thống nhất, được giao cho Ban Đ1 sử dụng. Ngày 19/01/2024, UBND phường H tổ chức làm việc với các thành viên Ban Đ1 và ông B. Tại buổi làm việc, ông B khẳng định sơ đồ thửa đất không phải do ông Ba lập mà do cán bộ tổ chức đấu giá lập, khi ông B mua lại của ông B1, bà C1 thì sơ đồ thửa đất đã có và thể hiện kích thước chiều sâu 22m, diện tích 240m²; Các thành viên Ban Đ1 khẳng định ranh giới thửa đất bán cho ông B, bà H là tính từ mép ngoài tường Nhà văn phòng HTX đến giáp tường rào nhà mẫu giáo cũ. Ngày 29/01/2024, UBND phường H tổ chức làm việc với các thành viên Ban Đ1 để xác minh làm rõ việc cho thuê nhà văn phòng và Hội trường HTX cũ. Tại buổi làm việc, các thành viên Ban quản lý khẳng định khối tài sản nhà văn phòng và Hội trường HTX cũ là tiền của nhân dân đóng góp, được bàn giao cho Ban quản lý lăng quản lý từ năm 2005. Ngày 30/01/2024, UBND phường H tổ chức làm việc với các thành viên Ban Đ1, các tổ chức, đoàn thể phường và ông B để giải quyết việc tháo dỡ Nhà văn phòng HTX của ông B. Tại buổi làm việc UBND phường đã yêu cầu ông B chấm dứt việc tháo dỡ, khôi phục lại hiện trạng trước khi tháo dỡ nhà

văn phòng HTX, đồng thời yêu cầu Ban Đ1 thanh lý hợp đồng cho thuê tài sản đối với ông B. Tại buổi làm việc, ông B đồng ý giữ nguyên hiện trạng nhà văn phòng, nhưng không đồng ý việc khôi phục lại phần tài sản đã tự phá dỡ, tuy nhiên ông B cũng có ý kiến xác nhận việc thuê nhà văn phòng HTX cũ của Ban Đ1. Ngày 28/11/2024, UBND phường H có Công văn số 771/UBND trả lời kiến nghị của ông B, theo đó, UBND phường đã nêu rõ thửa đất ông B, bà H có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của Chi hội nông dân Đồng Thành theo đơn chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND phường H xác nhận ngày 23/8/2000. Căn cứ hồ sơ do gia đình kê khai đã được UBND phường xác nhận, biên bản xác định lại ranh giới, mốc giới và đo lại thửa đất ngày 12/12/2006 đã được chủ sử dụng đất và chủ sử dụng có liên quan thống nhất ký xác nhận, ngày 09/5/2008, UBND thành phố đã cấp GCNQSDĐ cho ông B, bà H, tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 19, diện tích 211,0m². Sau khi nhận được đơn kiến nghị đề ngày 05/12/2023, UBND phường đã phối hợp với đại diện Ban Đ1 cùng với đại diện gia đình tiến hành kiểm tra, đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng đất đối với phần diện tích đất 30m² theo đơn phản ánh của ông Hoàng Quốc B, kết quả không thống nhất được ranh giới đất của ông B và Lãng Đồng T4 tại thời điểm mua bán.

Như vậy, nội dung kiến nghị của ông Hoàng Quốc B về việc đề nghị xem xét xác lập ranh giới khuôn viên thửa đất 240m² theo Hợp đồng mua bán đất giữa Chi hội Nông dân phường H và gia đình ông đã được UBND phường H giải quyết, trả lời tại Công văn số 771/UBND ngày 28/11/2024. GCNQSDĐ do UBND thành phố cấp cho ông B, bà H ngày 09/5/2008, được Sở T5 cấp đổi lại các năm 2018, 2020, 2022 là đúng theo nội dung thỏa thuận, mua bán đất đai giữa ông B, bà H với ông B1, bà C1, Chi hội nông dân Đ, được UBND phường H xác nhận và đúng theo nội dung ông B, bà H đã kê khai trong quá trình đề nghị cấp GCNQSDĐ. Do đó, hiện nay, ông B, bà H đề nghị giải quyết hồ sơ đo đạc, bổ sung phần diện tích 3 0m² nhà văn phòng HTX cũ đề cấp đổi lại GCNQSDĐ là không có cơ sở giải quyết. Hiện nay, bản chính Biên bản bàn giao tài sản giữa Ủy ban Mặt trận TQVN phường H với BQL di tích Đ4 ngày 22/6/2005 đang được lưu trữ tại Ban Đ1. Từ những căn cứ trên, ngày 06/5/2025, Chủ tịch UBND thành Đ ban hành Kết luận số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 đối với ông Phạm Ngọc T (Chủ tịch UBND phường H) không công nhận nội dung tố cáo đối với ông T có hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ là đúng quy định của pháp luật.

Về bản chất vụ việc, ông Hoàng Quốc B cho rằng phần diện tích 30m² chưa được cấp GCNQSDĐ thực chất là khiếu nại việc cấp GCNQSDĐ cho ông năm 2008 không đúng diện tích đất và đến nay đã hết thời hiệu để xem xét giải quyết khiếu nại, khiếu kiện; tuy nhiên, ông B cố tình không khiếu nại, khiếu kiện về việc cấp GCNQSDĐ trước đây mà thực hiện quyền tố cáo và đề nghị giải quyết tố cáo. Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018, khoản 3 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét đình chỉ, không thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc B.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* ông Phạm Ngọc T có đơn ngày 09/9/2025 đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ việc và đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định phần đất tranh chấp vào ngày 19/6/2025 kết quả theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 37 tờ bản đồ số 15 có diện tích 241,8m² (gồm các điểm 1- 2-3-4-5-6-7-8-9); theo dẫn đặc của người khởi kiện ông Hoàng Quốc B có tổng diện tích 281,9m² (gồm các điểm 1-2-3-4-5-10-7-8-9), trên diện tích dẫn đặc có diện tích tranh chấp 30,1m² (gồm các điểm 5-6-7-10) *{có sơ đồ họa thửa kèm theo}*; trên diện tích đất tranh chấp còn phần tường của nhà Văn phòng HTX tiếp giáp Hội trường HTX. Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 22/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 59, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; điểm a khoản 2 Điều 13 Luật Tố cáo 2018, Điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HDDTP ngày 29/7/2011 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc B hủy Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân T (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ) về nội dung xác định về việc chuyển nhượng tài sản trước đây giữa Chi hội Nông dân Đ2 và ông Hoàng Quốc B không bao gồm 30m² đất đã nhận chuyển nhượng từ năm 2000.*

2. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ghi nhận sự tự nguyện của người khởi kiện ông Hoàng Quốc B tự nguyện chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ 4.800.000 đồng, người khởi kiện đã nộp đủ chi phí thẩm định.*

3. *Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ) chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng.*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 03/10/2025, Chủ tịch UBND phường Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chủ tịch UBND phường Đ giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc B (có bài phát biểu gửi kèm).

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 12/5/2025 ông Hoàng Quốc B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Quảng Bình giải quyết hủy Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (cũ nay là tỉnh Quảng Trị) đối với nội dung ghi trong quyết định “*xác định việc chuyển nhượng tài sản trước đây giữa Chi hội Nông dân xã Đ với ông Hoàng Quốc B không bao gồm 30m² đất trên đất có nhà Văn phòng của HTX Đ1*” vì ông B cho rằng nhà đất trước đây ông B nhận chuyển nhượng bao gồm 30m² đất nêu trên. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (cũ) thụ lý giải quyết vụ án hành chính “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đ*” là đúng thẩm quyền, xác định đúng đối tượng khởi kiện, vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về giải quyết nội dung vụ án xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đ theo yêu cầu khởi kiện vụ án hành chính của ông B thấy:

[2] Về thẩm quyền ban hành Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025, xét thấy ông Hoàng Ngọc Đ - Chủ tịch UBND thành phố Đ ký Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 2 Điều 13 Luật Tố cáo năm 2018.

[3] Về hình thức văn bản Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là đúng mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo năm 2018.

[4] Về tính có căn cứ, đúng hay không đúng pháp luật của nội dung giải quyết tố cáo trong Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 ghi xác định việc chuyển nhượng tài sản trước đây giữa Chi hội Nông dân xã Đ với ông Hoàng Quốc B không bao gồm 30m² đất trên đất có nhà Văn phòng của HTX Đ1, thấy:

[4.1] Diện tích 30m² đất tranh chấp trên đất có nhà Văn phòng của HTX Đ1 theo hồ sơ địa chính phường H năm 1996 thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 09 là đất của HTX Đ1 sử dụng làm văn phòng HTX và làm cơ sở sản xuất, chế biến nước mắm từ giai đoạn năm 1959. Tại Biên bản bàn giao nhà văn phòng và Hội trường của Ban Đ1 ngày 23/4/1995 thể hiện, Ban giải thể HTX Đ1 bàn giao cho Chi hội ngư dân Đ2 quản lý, sử dụng “2. Về động sản, bất động sản:

Nhà cấp 2 diện tích sử dụng $98m^2$. tất cả tài sản nằm trong khuôn viên hiện trạng: - Phía Bắc giáp nhà mẫu giáo (có tường rào chung); - Phía Nam giáp tỉnh lộ 4C; - phía Tây có tường rào giáp đường kiệt; - phía Đông có tường rào giáp đường kiệt (nhà ông X), P hiện nhà văn phòng và toàn bộ hội trường nằm ngoài hàng rào (có sơ đồ giao đất của UBND phường)” (bút lục 321). Ngày 25/11/1999, bà Nguyễn Thị C1 làm Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất gửi UBND phường H xin phép được nhận chuyển nhượng $240,0m^2$ đất với giá 18 triệu đồng do Ban chấp hành chi hội nông dân Đ chuyển nhượng, bà C1 ký, ghi tên dưới mục “Người nhận chuyển nhượng”, ông Hồ Ngọc V thay mặt Ban Đ2 ký bên chuyển nhượng, sơ đồ diện tích đất chuyển nhượng, được ông Nguyễn H1 (Chủ tịch UBND phường H) phê duyệt ngày 20/8/2020. Sau đó, vợ chồng bà C1 bán lại đất cho ông Hoàng Quốc B, để hợp thức hóa hồ sơ ông B viết lại Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 23/8/2000 gửi UBND phường H, hồ sơ cũng được ông Nguyễn H1 ký xác nhận ngày 23/8/2020, diện tích đất chuyển nhượng và sơ đồ đất chuyển nhượng của ông Hoàng Quốc B tương tự bà Nguyễn Thị C1 (bút lục 318, 319).

[4.2] Xét, Sơ đồ khu đất chuyển nhượng do Chi hội nông dân Đồng Thành vẽ khi chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà C1 và Sơ đồ lập lại khi chuyển nhượng đất cho ông B là giống nhau, nhưng không vẽ rõ khuôn viên đất chuyển nhượng vì nếu khuôn viên đất chuyển nhượng bao gồm cả $30m^2$ nhà văn phòng HTX thì đường vẽ tiếp giáp giữa phần đất trống với nhà văn phòng HTX phải là nét vẽ cắt, nhưng Sơ đồ lại là nét vẽ liền. Mặt khác, nếu cho rằng khuôn viên đất chuyển nhượng bao gồm cả $30m^2$ nhà văn phòng HTX thì khuôn viên đất vẽ theo Sơ đồ là $22m \times 12m = 264 m^2$ là mâu thuẫn với diện tích đất chuyển nhượng hai bên đã ghi rõ $240m^2$.

[4.3] Ngày 01/11/2005, ông Hoàng Quốc B làm Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi UBND thành phố Đ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thì ông Ba không kê khai diện tích $30m^2$ nhà văn phòng HTX (bl 157). Biên bản xác định lại ranh giới, mốc giới và đo lại thửa đất để cấp Giấy chứng nhận cho ông B xác định diện tích đất ông B đang sử dụng, đề nghị cấp giấy chứng nhận có cạnh phía Đông Nam giáp thửa đất số 9 (đất của Ban Đ1), không tiếp giáp đất của ông B và không có $30 m^2$ đất nhà văn phòng HTX Đ1, ông B và ông Nguyễn Duy T2 (đại diện Ban Đ1 và nhà Hội trường HTX) ký vào Biên bản (bút lục 154). Ngày 09/5/2008, UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Quốc B, bà Phạm Thị Thu H thửa đất số 91, tờ bản đồ số 19, diện tích $211 m^2$. Ông B, bà H xin cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều lần cũng không kê khai xin cấp diện tích $30m^2$ nhà văn phòng HTX và ngày 15/7/2008 khi Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T5 (cũ) tiến hành đo thì bà Phạm Thị Thu H (vợ ông B) cũng đã ký Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất, theo đó thừa nhận phần diện tích $30m^2$ nhà văn phòng HTX thuộc đất của Ban Đ1, ký hiệu thửa đất TSC và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T5 cấp đổi gần đây nhất vào ngày 07/7/2022 thì ông B, bà H đã được cấp quyền sử dụng diện tích $241,8m^2$ đất.

[4.4] Nội dung *Biên bản bàn giao nhà văn phòng và Hội trường của Ban giải thể HTX Đồng Thành ngày 23/4/1995 và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất của HTX đánh cá Đồng Thành lập năm 1996 và Biên bản bàn giao tài sản giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường H với Ban Đ1 ngày 22/6/2005* đều thể hiện ngôi nhà HTX Đ1 sử dụng làm văn phòng và hội trường làm việc là một khối bất động sản thống nhất “*Nhà cấp 2 diện tích sử dụng 98m²*”. Từ năm 2000 đến năm 2005 phần diện tích 30 m² nhà văn phòng HTX được Ban Đ1 cho bà Trương Thị L3, bà Nguyễn Thị Ú và một số người khác thuê để kinh doanh dịch vụ và sau đó ngày 01/6/2012 ông Hoàng Quốc B ký *Hợp đồng thuê nhà văn phòng Đ1 cũ do Đ4 quản lý* với Ban Đ1 (b1 225, 226). Kết quả xác minh giải quyết tố cáo, UBND phường H, ông Hồ Viết B1 và các thành viên Ban Đ1, lãnh đạo UBND phường H qua các thời kỳ đều khẳng định diện tích 30m² nhà văn phòng Đ1 cũ không chuyển nhượng cho vợ chồng bà C1 và ông B1 và bà C1 và ông B1 không chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông B, bà H. Ngày 12/01/2024, UBND phường H tổ chức hội nghị làm rõ quá trình thanh lý, mua bán tài sản và việc quản lý sử dụng của Ban Đ1, hội nghị có 22 người tham gia gồm cán bộ lãnh đạo HĐND, UBND phường; chi hội nông dân, Ban Đ1 qua các thời kỳ và tổ trưởng các tổ dân phố 5, 6, 7 phường H. Kết quả làm việc các thành phần tham dự khẳng định ranh giới thửa đất bán cho ông B, bà H là tính từ mép sau tường nhà văn phòng HTX đến giáp tường rào nhà mẫu giáo cũ (nay là Nhà văn hóa tổ dân phố G; ngoài ra, ông Hoàng Văn T3 (nguyên Phó Chủ tịch UBND phường H, Trưởng Ban Đ1) khẳng định phần diện tích nhà văn phòng và hội trường HTX là một khối thống nhất, được giao cho Ban Đ1 sử dụng. Ngày 19/01/2024, UBND phường H tổ chức làm việc với các thành viên Ban Đ1 và ông Hoàng Quốc B, tại buổi làm việc các thành viên Ban Đ1 khẳng định ranh giới thửa đất bán cho ông B, bà H là tính từ mép ngoài tường Nhà văn phòng HTX đến giáp tường rào nhà mẫu giáo cũ. Ngày 29/01/2024, UBND phường H tổ chức làm việc với các thành viên Ban Đ1 để xác minh làm rõ việc cho thuê nhà văn phòng và Hội trường HTX cũ, tại buổi làm việc, các thành viên Ban quản lý khẳng định khối tài sản nhà văn phòng và Hội trường HTX cũ là tiền của nhân dân đóng góp, được bàn giao cho Ban quản lý lãnh quản lý từ năm 2005. Ngày 30/01/2024, UBND phường H tổ chức làm việc với các thành viên Ban Đ1, các tổ chức, đoàn thể phường và ông B để giải quyết việc tháo dỡ Nhà văn phòng HTX của ông B, tại buổi làm việc UBND phường yêu cầu ông B chấm dứt việc tháo dỡ, khôi phục lại hiện trạng trước khi tháo dỡ nhà văn phòng HTX, đồng thời yêu cầu Ban Đ1 thanh lý hợp đồng cho thuê tài sản đối với ông B thì ông B đồng ý giữ nguyên hiện trạng nhà văn phòng, nhưng không đồng ý việc khôi phục lại phần tài sản đã tự phá dỡ, tuy nhiên ông B cũng có ý kiến xác nhận việc thuê nhà văn phòng HTX cũ của Ban Đ1. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận trình bày của ông B rằng ông Ba bị nhầm lẫn khi ký *Hợp đồng thuê nhà văn phòng Đ1 cũ do Đ4 quản lý* với Ban Đ1 ngày 01/6/2012 là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ nêu trên và vì khi ký hợp đồng ông Hoàng Quốc B là Giám đốc Công ty TNHH D.

[5] Từ các tài liệu, chứng cứ trích dẫn được phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày

06/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là đảm bảo tính hợp pháp, tính có căn cứ nên chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND phường Đ và đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B2. Cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm nên xác định lại người phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, như sau:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 59, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 13 Luật Tố cáo năm 2018, Điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HDDTP ngày 29/7/2011 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc B yêu cầu hủy Kết luận nội dung tố cáo số 185/KL-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay kế thừa là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Quảng Trị) về nội dung xác định việc chuyển nhượng tài sản trước đây giữa Chi hội Nông dân Đ2 và ông Hoàng Quốc B không bao gồm 30m² đất đã nhận chuyển nhượng từ năm 2000.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết số tiền 4.800.000 đồng, ông Hoàng Quốc B đã nộp đủ và chi xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Hoàng Quốc B được miễn vì là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ không phải chịu nên được hoàn trả 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000948 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra IV-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

Đặng Kim Nhân